

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2024/HS-PT**

Ngày 02/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 295/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2023. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Cao Cự N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1/ Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 15/9/1973 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Công chức; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 24-QĐ/UBKTHU ngày 25/8/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B; Con ông Nguyễn Hữu T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1937; Có vợ là Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2021 đến ngày 26/10/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Cao Cự N**, sinh ngày 02/7/1970 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Công chức; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam,

hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 25-QĐ/UBKTHU ngày 25/8/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B; Con ông Cao Cự N1 và bà Nguyễn Thị T2 (đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2021 đến ngày 05/11/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện B. Địa chỉ: T huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung N2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T nguyên là Trưởng Đài Truyền thanh truyền hình huyện B, được Huyện ủy B tiếp nhận đến nhận công tác tại Ban B theo Quyết định số 88/QĐ-HU ngày 06/9/1997 của Tỉnh ủy Đ1. Năm 2008, T được điều động đến nhận công tác tại Đài Truyền thanh truyền hình huyện B theo Quyết định số 780/QĐ-UBND, ngày 20/5/2008 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng Đài. Tháng 7/2016, T được UBND huyện B giao phụ trách, điều hành mọi hoạt động của Đài Truyền thanh truyền hình huyện B. Đến tháng 4/2019, Nguyễn Hữu T được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng đài theo Quyết định số 877/QĐ-UBND, ngày 29/3/2019 của UBND huyện B.

Cao Cự N nguyên là kế toán của Đài Truyền thanh truyền hình huyện B, được UBND huyện B ký hợp đồng lao động, đến nhận công tác tại UBND huyện B theo Quyết định số 477/QĐ-UB, ngày 01/5/1999. Năm 2002, N được tuyển dụng, bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức và chuyển đến nhận công tác tại Đài truyền thanh huyện B (nay là Đ truyền hình huyện B) với ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan theo các quyết định số 238/QĐ-TCCB, ngày 18/6/2002 của Ban tổ chức chính quyền UBND tỉnh Đ, Quyết định số 778/QĐ-UB, ngày 16/9/20002 của UBND huyện B. Trong đó giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019, Cao Cự N được lãnh đạo Đ truyền hình huyện B giao phụ trách kế toán, thực hiện công tác chuyên môn kiêm nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một kế toán tại Đài Truyền thanh truyền hình huyện B, được đăng ký chữ ký kế toán trưởng tại Kho bạc Nhà nước huyện B.

Từ năm 2017 đến năm 2019, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Nguyễn Hữu T, Đài Truyền thanh truyền hình huyện B phát sinh nhiều hoạt động tiếp khách ngoại giao, liên hoan ăn uống của đơn vị nằm ngoài quy định mục lục chi từ ngân sách

Nhà nước (phát sinh nợ tại các cơ sở dịch vụ ăn uống). Để có nguồn chi trả các khoản chi ngoài quy định nêu trên, bằng việc lợi dụng sơ hở các quy định của Nhà nước trên lĩnh vực kế toán, T đã chỉ đạo cho Cao Cự N là kế toán cơ quan cùng các nhân viên khác trong cơ quan lập khống 37 hồ sơ chứng từ kế toán và đã được Kho bạc nhà nước huyện B đồng ý phê duyệt các thủ tục cho thanh quyết toán, từ đó rút được từ ngân sách nhà nước tổng số tiền 246.495.000 đồng. Trong đó, có 34 hồ sơ thanh toán chi tiếp khách lập khống, rút được từ ngân sách nhà nước số tiền 229.170.000 đồng và 03 hồ sơ thanh toán tiền mua quà kỷ niệm ngày Báo chí Cách mạng V lập khống, rút được từ ngân sách nhà nước số tiền 17.325.000 đồng. Cụ thể:

Đối với 34 hồ sơ thanh toán chi tiếp khách trên, Nguyễn Hữu T và Cao Cự N đã lập khống chứng từ thể hiện việc có 38 đoàn công tác từ các Sở thông tin truyền thông và Đài Phát thanh truyền hình, Đ truyền hình các địa phương khác nhau, cơ quan báo chí đến trao đổi công tác tại đơn vị, bằng 57 hóa đơn bán hàng và hóa đơn giá trị gia tăng về việc sử dụng các dịch vụ ăn uống, từ đó đã thực hiện thủ tục thanh toán và rút từ ngân sách nhà nước tổng số tiền 229.170.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng). Cụ thể:

- Năm 2017 đã lập khống 12 hồ sơ chứng từ thanh toán chi tiếp khách, rút từ ngân sách nhà nước số tiền 75.398.000 đồng (Bảy mươi năm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng), cụ thể:

- + Chứng từ số 09, ngày 23/01/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- + Chứng từ số 21, ngày 03/3/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền hình T11, số tiền 3.025.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- + Chứng từ số 33, ngày 13/4/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh G, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh L và Sở thông tin truyền thông tỉnh Đ, số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

- + Chứng từ số 47, ngày 10/5/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình thành phố Đ, Đ VTV3, số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- + Chứng từ số 53, ngày 22/5/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh G, Đài Phát thanh truyền hình T12, Sở thông tin truyền thông tỉnh Đ số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

- + Chứng từ số 54, ngày 29/5/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình T13, số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 70, ngày 19/6/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh K, số tiền 3.360.000 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 82, ngày 03/3/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh L, số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 123, ngày 26/10/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh P, số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 144, ngày 04/12/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh B, Đài Phát thanh truyền hình T, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Q, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, Đài VTV1, số tiền 14.963.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

+ Chứng từ số 150, ngày 13/12/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh N, số tiền 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 158, ngày 19/12/2017, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh L, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh B, số tiền 11.900.000 đồng (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

- Năm 2018 đã lập không 12 hồ sơ chi tiếp khách, rút từ ngân sách nhà nước số tiền 86.193.000đ (Tám mươi sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng), cụ thể:

+ Chứng từ số 14, ngày 9/02/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đ2, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Q, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Q, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh B, Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, số tiền 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 27, ngày 15/3/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Q, Sở thông tin truyền thông tỉnh Đ, số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 28, ngày 16/3/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, Đài HTV7, số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 33, ngày 30/3/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình huyện C – Gia Lai, số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 47, ngày 26/4/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền thanh truyền hình huyện D - Khánh Hòa, Đài Truyền thanh truyền hình huyện P – Quảng Nam, Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, số tiền 12.019.000 đồng (Mười hai triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

+ Chứng từ số 55, ngày 18/5/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách B1, số tiền 4.830.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 85, ngày 10/8/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình T14, Đài Phát thanh truyền hình T15, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh T, số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 94, ngày 29/8/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, số tiền 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 99, ngày 11/9/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, Sở thông tin truyền thông tỉnh Bình Phước, số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

+ Chứng từ số 107, ngày 18/9/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài HTV7, số tiền 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 120, ngày 04/10/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền thanh truyền hình huyện Đ, số tiền 3.984.000 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

+ Chứng từ số 139, ngày 16/11/2018, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền thanh truyền hình huyện E, Đ truyền hình huyện L, số tiền 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Năm 2019 đã lập không 10 hồ sơ chi tiếp khách, rút từ ngân sách nhà nước số tiền 67.579.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), cụ thể:

+ Chứng từ số 10, ngày 28/01/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, số tiền 4.520.000 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 22, ngày 19/3/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ số tiền 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 27, ngày 25/3/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh G, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Q, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh T13, Đài VTV3, số tiền 12.960.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 56, ngày 20/5/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài VTV3 Đà Nẵng, số tiền 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chứng từ số 85, ngày 17/7/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh C, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh V, Đài Phát thanh truyền hình T12, số tiền 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 110, ngày 30/9/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh L, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh N, số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

+ Chứng từ số 128, ngày 06/11/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền thanh truyền hình huyện E, số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 129, ngày 06/11/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Truyền thanh truyền hình huyện Đ, số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chứng từ số 154, ngày 18/12/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Sở thông tin truyền thông tỉnh Đắk Lắk, số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Phiếu chi số 03, ngày 23/4/2019, chuyển khoản tiền tiếp khách Đài Phát thanh truyền hình tỉnh B, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Đ, số tiền 5.679.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Tất cả các chứng từ chi đều thể hiện nội dung chuyển khoản từ số tài khoản 9527.3.1078844 của đơn vị rút dự toán Đài Truyền thanh truyền hình huyện B đến các tài khoản 5213205050964 (đơn vị nhận tiền Lê Thị Y), 5213205005188 (đơn vị nhận tiền Nhữ Đức D), 5213205003567 (đơn vị nhận tiền Nguyễn Thị L), 63610000000776 (Công ty TNHH T16), 102010001274110 (đơn vị nhận tiền Công ty Cổ phần D2), 5213211061963 (đơn vị nhận tiền Đoàn Xuân C1), 5213205026317 (đơn vị nhận tiền Nguyễn Nam P1) của các cơ sở kinh doanh xuất hóa đơn.

Để được Kho bạc nhà nước huyện B cho tiến hành thủ tục thanh quyết toán các hồ sơ lập khống trên mà không bị phát hiện, quá trình thiết lập hồ sơ, Cao Cự N đã tự chọn và đưa tên một số đơn vị Sở, Đ ở các địa phương khác nhau với nội dung đến trao đổi công tác vào Giấy đề xuất đặt cơm, Giấy đề nghị thanh toán để làm căn cứ, chứng từ thanh toán. Để tạo tính khách quan cho mỗi hồ sơ tiếp khách, Cao Cự N chọn ngẫu nhiên tên của một cán bộ trong cơ quan để làm người đề xuất và người đề nghị thanh toán. Sau khi cân đối ngày, số tiền thanh toán cho phù hợp với quy định và thời điểm lập hồ sơ thì Cao Cự N là người trực tiếp liên hệ với các cơ sở ăn uống mà Cơ quan đang ghi nợ để lấy hóa đơn bán hàng. Cụ thể Cao Cự N cung cấp cho các cơ sở ăn uống các thông tin về ngày đặt cơm tiếp khách, số tiền, số lượng suất ăn. Sau khi có hóa đơn thì các cơ sở này sẽ gọi cho Cao Cự N đến lấy (một số trường hợp thì Cao Cự N nhờ nhân viên khác trong cơ quan đi lấy) hoặc mang đến trụ sở Cơ quan để đưa cho Cao Cự N. Sau khi hoàn thành các thủ tục có trong hồ sơ thì Nguyễn Hữu T và Cao Cự N sẽ ký xác nhận trong hồ sơ trước, sau đó Cao Cự N mới liên hệ với các nhân viên khác trong Cơ quan gồm: Bà H H'mok; bà Trần Thị Tú A; bà Nguyễn Thị T3; bà Phạm Thị T4 và ông Lương Quốc A1 là

những người có tên trong hồ sơ để ký nhận tại các mục người đề xuất, người đề nghị thanh toán, người mua hàng. Một số trường hợp không gặp được nhân viên có tên trong hồ sơ để ký xác nhận thì Cao Cự N tự ký không tên nhân viên đó trong hồ sơ, sau đó chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước B2 để tiến hành các thủ tục thanh quyết toán.

Để việc lập không hồ sơ không gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thiết lập thì Nguyễn Hữu T đưa vấn đề này ra chỉ đạo trong cuộc họp Cơ quan, với mục đích là để có kinh phí chi trả cho các hoạt động sinh hoạt chung của Cơ quan, hoạt động ngoại giao phát sinh ngoài quy định được Nhà nước chi trả, Nguyễn Hữu T đã chỉ đạo Cao Cự N là người thực hiện việc thiết lập hồ sơ, các nhân viên khác trong Cơ quan có trách nhiệm hỗ trợ Cao Cự N trong việc ký nhận hoàn thiện hồ sơ.

Đối với số tiền 229.170.000đ (Hai trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) thanh toán được từ 34 hồ sơ chi tiếp khách được lập không trên, ban đầu Nguyễn Hữu T và Cao Cự N khai đã sử dụng số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng) trong tổng số tiền trên (được thanh toán từ 11 hóa đơn bán hàng do cơ sở dịch vụ ăn uống Hồ Sen cung cấp gồm Hóa đơn đề ngày 26/3/2017, 05/4/2017, 22/9/2017, 09/01/2018, 07/7/2018, 31/10/2018, 24/01/2019, 07/5/2019, 18/4/2019, 24/4/2019, 07/8/2019), để thăm hỏi lãnh đạo các ban ngành trong khối cơ quan nhà nước huyện B và Sở thông tin truyền thông tỉnh Đ. Tuy nhiên qua xác minh những trường hợp được thăm tặng quà theo lời khai của Nguyễn Hữu T và Cao Cự N thì các trường hợp này đều không thừa nhận có việc nhận quà là tiền mặt từ Nguyễn Hữu T và Cao Cự N vào các dịp lễ Tết, ốm đau, ... Quá trình điều tra, đến ngày 10/3/2022 và ngày 16/3/2022, Nguyễn Hữu T và Cao Cự N đã xin đính chính lời khai trên, vì cho rằng việc khai sử dụng số tiền chi sai từ các hồ sơ trên vào mục đích thăm tặng quà lãnh đạo sẽ giúp Nguyễn Hữu T và Cao Cự N có được sự can thiệp của lãnh đạo các ban ngành trong quá trình giải quyết vụ án liên quan đến Nguyễn Hữu T và Cao Cự N và khẳng định không có việc sử dụng số tiền 34.000.000 đồng nêu trên để thăm tặng quà lãnh đạo mà thực tế sử dụng để trả các khoản chi phí mà Cơ quan Đài Truyền thanh truyền hình huyện B đã sử dụng tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Hồ Sen trước đó. Làm việc với ông Nhữ Đức D – Chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Hồ Sen xác định việc xuất hóa đơn dựa trên cơ sở đơn vị Đài truyền thanh truyền hình huyện B phát sinh dịch vụ ăn uống thực tế tại cơ sở này, không có việc mua bán hóa đơn cho đơn vị Đài để thực hiện việc thanh toán. Ông D đã cung cấp 01 sổ ghi chép các lần nợ hóa đơn thanh toán khi đơn vị Đài Truyền thanh truyền hình huyện B sử dụng dịch vụ ăn uống tại cơ sở kinh doanh này. Do đó chưa đủ cơ sở vững chắc chứng minh Nguyễn Hữu T và Cao Cự N có hành vi tham ô, chiếm đoạt số tiền 34.000.000 đồng trong tổng số tiền thanh toán được từ hồ sơ chi tiếp khách được lập không.

Đối với 03 hồ sơ thanh toán tiền mua quà kỷ niệm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6 được lập không, với mục đích có nguồn kinh phí tổ chức các hoạt động ăn uống, giải trí, du dịch dã ngoại,... cho cán bộ nhân viên trong Cơ quan vào dịp Kỷ niệm trên, Nguyễn Hữu T đã chỉ đạo cho các nhân viên trong Đài lập không các hồ sơ trên, rút được từ ngân sách nhà nước số tiền 17.325.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Cụ thể, vào dịp Kỷ niệm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6 các năm 2017, 2018, 2019, Đ truyền hình huyện B đều xây dựng kế hoạch về việc tổ chức Hội nghị kỷ niệm và trình UBND huyện B phê duyệt, cho ý kiến. UBND huyện B đồng ý chủ trương cho tổ chức theo kế hoạch đề ra. Theo đó, UBND huyện phê duyệt nội dung đề xuất tặng 25 suất quà cho 25 cá nhân tiêu biểu với giá trị mỗi suất quà là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Để thực hiện mục đích rút tiền từ ngân sách Nhà nước chi các hoạt động khác (ngoài quy định chi), Nguyễn Hữu T đã cho tiến hành tổ chức Hội nghị không theo như kế hoạch. Thay vì tặng quà là hiện vật (cặp da/radio) như được phê duyệt, Nguyễn Hữu T đã chỉ đạo cho thực hiện tặng quà là tiền mặt và thay đổi mức chi cho từng đối tượng khác nhau. Cụ thể, đối với cán bộ nhân viên đang công tác trong Cơ quan Đài thì nhận mức tiền là 500.000 đồng/người, trừ nhân viên bảo vệ mức nhận là 200.000 đồng/người; cán bộ phụ trách đài xã, cộng tác viên, các cá nhân từng cộng tác, công tác tại Đ nhận mức tiền là 200.000 đồng/người. Nội dung về hình thức chi, mức chi và mục đích sử dụng số tiền chênh lệch rút được từ hồ sơ thanh toán trên đều được đưa ra trong cuộc họp đơn vị và được nhân viên trong Đài thống nhất thực hiện. Căn cứ các nội dung thống nhất trên, Nguyễn Hữu T giao cho Cao Cự N thực hiện việc thiết lập hồ sơ theo nội dung kế hoạch được phê duyệt, giao bà Nguyễn Thị T3 là thủ quỹ Cơ quan thực hiện việc cấp tiền theo danh sách nhận quà, các nhân viên khác trong Cơ quan thực hiện ký hồ sơ để thực hiện thanh toán.

Với nhiệm vụ được phân công, Cao Cự N đã chủ động liên hệ với các đơn vị thường xuyên phát sinh hoạt động kinh tế với Cơ quan, cụ thể là cơ sở kinh doanh dịch vụ tin học Dakcom có địa chỉ tại thôn A, xã T, huyện B và Trung tâm T17 có địa chỉ tại A P, Tp . để nhờ xuất hóa đơn và thiết lập hợp đồng kinh tế thể hiện việc mua 25 suất quà với giá trị mỗi suất khoảng 500.000 đồng. Do có quan hệ kinh tế thường xuyên với Cơ quan và nể nang nên các cơ sở kinh doanh trên đã đồng ý xuất hóa đơn và thiết lập hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của Cao Cự N. Để tạo tính khách quan cho hồ sơ thì có trường hợp đơn giá sẽ ít hơn 500.000 đồng nhưng không đáng kể. Với mỗi hóa đơn Cao Cự N phải chi trả khoản thuế phí phát sinh trên hóa đơn bán hàng theo quy định cho các đơn vị này thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền thuế phí phát sinh phải chi trả cho các hóa đơn trên là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng)/03 hóa đơn. Sau khi hoàn thành hồ sơ đề nghị thanh toán, Nguyễn Hữu T và Cao Cự N sẽ ký tên xác nhận trước, sau đó đưa hồ sơ cho các nhân viên trong Cơ quan ký tên xác nhận vào

Danh sách nhận quà và các mục có tên, riêng với các cán bộ phụ trách Đài xã, cộng tác viên, các cá nhân từng cộng tác, công tác với Đ thì chủ yếu do Cao Cự N ký không đề hoàn thiện hồ sơ. Tổng số tiền thanh toán được từ 03 hồ sơ lập không mua quà ngày Kỷ niệm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam các năm 2017, 2018, 2019 là 36.825.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó năm 2017 thanh toán được số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), năm 2018 thanh toán được số tiền 11.875.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), năm 2019 thanh toán được số tiền 12.450.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tất cả các chứng từ chi đều thể hiện nội dung chuyển khoản từ số tài khoản 9527.3.1078844 của đơn vị rút dự toán Đài Truyền thanh truyền hình huyện B đến các số tài khoản 0231000470429 (đơn vị nhận tiền Lâm Thị Thùy T5), 5213205004661 (đơn vị nhận tiền Nguyễn Đình D1) của các cơ sở kinh doanh trên. Trong đó, tổng số tiền chi sai thực tế là 17.325.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Cụ thể:

- Năm 2017, bằng hồ sơ, đơn vị Đ đã thanh toán được số tiền mua 25 suất quà với mỗi suất có giá trị 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên đối chiếu danh sách nhận quà trong hồ sơ thanh toán và trên thực tế cấp phát thì có 09 trường hợp nhận mức tiền 500.000 đồng gồm Nguyễn Hữu T, Cao Cự N, Phạm Thị T4, Nguyễn Thị T3, Trần Thị Tú A, H X Hmok, H V, Đinh Thị M, Lương Quốc A1, 10 trường hợp được nhận mức tiền 200.000 đồng gồm Nguyễn Văn K, Lê Ngọc A2, Đoàn N3, Hồ Sỹ C2, Đào Văn C3, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thế V, Bùi Văn H2, H, Lâm Văn N4, 05 trường hợp không được nhận tiền/quà gồm Nguyễn Thị T6, Lê Sỹ T7, Nguyễn Thị N5, Phụng H3, Đặng Thúy T8 và 01 suất trống. Số tiền chênh lệch sử dụng sai mục đích là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

- Năm 2018, bằng hồ sơ, đơn vị Đ đã thanh toán được số tiền mua 25 suất quà với mỗi suất có giá trị 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, đối chiếu danh sách nhận quà trong hồ sơ thanh toán và trên thực tế cấp phát thì có 08 trường hợp nhận mức tiền 500.000 đồng gồm Nguyễn Hữu T, Cao Cự N, Phạm Thị T4, Nguyễn Thị T3, Trần Thị Tú A, H X Hmok, Đinh Thị M, Lương Quốc A1, 13 trường hợp được nhận mức tiền/quà tương đương số tiền 200.000 đồng gồm Nguyễn Thị N5, Nguyễn Văn K, Lê Ngọc A2, Đoàn N3, Hồ Sỹ C2, Đào Văn C3, Nguyễn Văn L1, H, Lâm Văn N4, Đặng Thúy T8, Hồng H4, Duy P2, Đức T9, 03 trường hợp không được nhận tiền/quà gồm Nguyễn Thế V, Bùi Văn H2, Phụng H3 và 01 suất trống. Số tiền chênh lệch sử dụng sai mục đích là 5.275.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Năm 2019, bằng hồ sơ, đơn vị Đ đã thanh toán được số tiền mua 25 suất quà với mỗi suất có giá trị 498.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên đối chiếu danh sách nhận quà trong hồ sơ thanh toán và trên thực tế cấp

phát thì có 08 trường hợp nhận mức tiền 500.000 đồng gồm Nguyễn Hữu T, Cao Cự N, Phạm Thị T4, Nguyễn Thị T3, Trần Thị Tú A, H X Hmok, Đinh Thị M, Lương Quốc A1, 12 trường hợp được nhận mức tiền 200.000 đồng gồm Hoàng Văn V1, Nguyễn Văn K, Lê Ngọc A2, Đoàn N3, Hồ Sỹ C2, Đào Văn C3, Nguyễn Văn L1, Đặng Thúy T8, Nguyễn Thị P3, Lâm Văn N4, Hồng H4, Duy P2, Đức T9; 04 trường hợp không được nhận tiền/quà gồm H V, Lê Sỹ T7, Nguyễn Thị N5 và 01 suất trống. Số tiền chênh lệch sử dụng sai mục đích là 6.050.000 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Cao Cự N là người trực tiếp tiến hành các thủ tục thanh quyết toán tại Kho bạc Nhà nước huyện. Khi số tiền thanh toán được chuyển đến đơn vị thụ hưởng, Cao Cự N sẽ trực tiếp liên hệ với các đơn vị này để nhận lại tiền và hoàn ứng lại nguồn quỹ đơn vị.

Về nội dung chi số tiền chênh lệch 17.325.000 đồng có được từ 03 hồ sơ thanh toán tiền mua quà Hội nghị Kỷ niệm Báo chí trên, Nguyễn Hữu T, Cao Cự N và nhân viên trong Đài Truyền thanh truyền hình huyện B khai sử dụng để chi các hoạt động ăn uống, giải trí (nằm ngoài danh mục chi hoặc vượt mức chi được UBND huyện phê duyệt) nhân ngày kỷ niệm Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu và chi cho nhiều hoạt động khác nhau mà không còn lưu giữ các tài liệu, chứng từ phản ánh nội dung chi liên quan nên Nguyễn Hữu T, Cao Cự N và những người làm chứng không thể cung cấp các thông tin có giá trị làm căn cứ để Cơ quan điều tra tiến hành xác minh.

Đối với hồ sơ thanh toán Hợp đồng mua Camera kỹ thuật số S1 lập năm 2018 với số tiền thanh toán là 96.000.000 đồng. Chứng từ chi thể hiện nội dung chuyển khoản từ số tài khoản 9527.3.1078844 của đơn vị rút dự toán Đài Truyền thanh truyền hình huyện B đến số tài khoản 195274629 (đơn vị nhận tiền Hộ kinh doanh điện tử truyền thông).

Căn cứ lời khai ngày 23/03/2021 của Nguyễn Hữu T khai nhận hồ sơ trên được lập nâng khống giá với số tiền nâng khống là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhằm mục đích rút số tiền chênh lệch này sử dụng vào mục đích thăm hỏi tặng quà ông Vong Nhi K1 – nguyên là lãnh đạo huyện B. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Đ giám định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp đối với hồ sơ này. Tại kết luận giám định số 2422/STC-KLGD, ngày 13/8/2021 của Sở tài chính tỉnh Đ luận giám định xác định hồ sơ trên được lập nâng khống giá số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ngày 15/3/2022, bị cáo Nguyễn Hữu T đã thay đổi, đính chính lời khai không có việc nâng khống giá trên. Kết quả làm việc với ông Vong Nhi K1 không thừa nhận việc được Nguyễn Hữu T thăm ốm số tiền như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh tại Hộ kinh doanh điện tử truyền thông do bà Trần Thị T10 là làm chủ, trụ sở tại C Đô Đốc C, phường S, quận T, Tp ., tuy nhiên bà T10 không còn thuê trụ sở trên, không rõ đi

đâu làm gì. Do đó, không có đủ cơ sở để chứng minh việc nâng khống giá trong hồ sơ thanh toán Hợp đồng mua Camera kỹ thuật số Sony được lập năm 2018.

Quá trình điều tra các ông, bà: H'X Hmok, Trần Thị Tú A, Nguyễn Thị T3, Phạm Thị T4, Lương Quốc A1 đều khai nhận về hành vi ký tên xác nhận trong các hồ sơ chứng từ được lập khống trên nhằm mục đích hoàn thiện hồ sơ chứng từ để thực hiện được việc thanh quyết toán, rút tiền từ ngân sách Nhà nước, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Hữu T và cho rằng vì lợi ích chung của tập thể, đồng thời xuất phát từ mối quan hệ cấp trên cấp dưới mà không nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Cụ thể:

- Bà H X Hmok khai nhận ký tên dưới các mục người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong hồ sơ chứng từ số RDT0009 ngày 23/01/2017 với nội dung CK tiền tiếp khách; dưới mục người mua hàng trong hồ sơ số RDT0014 ngày 09/02/2018 với nội dung CK tiền tiếp khách tháng 1 + 2/2018; dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong 08 hồ sơ gồm hồ sơ chứng từ số RDT0033 ngày 13/4/2017, số RDT0053 ngày 22/5/2017, số RDT0144 ngày 11/12/2017, số RDT 0120 ngày 04/10/2018, số RDT 0139 ngày (trống)/11/2018, số RDT 22 ngày 19/3/2019, số RDT 85 ngày 17/7/2019, số RDT 154 ngày 17/12/2019 với nội dung lần lượt là CK thanh toán tiền tiếp khách (03 hồ sơ), CK tiền đặt cơm tiếp khách (02 hồ sơ), CK tiền tiếp khách (03 hồ sơ). Tổng số tiền thanh toán được bằng các chứng từ chi tiếp khách do bà H ký khống là 83.797.000 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra có 07 hồ sơ chứng từ đề tên bà H X Hmok dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán nhưng do bị cáo Cao Cự N ký khống gồm hồ sơ chứng từ số RDT0028 ngày 16/3/2018, số RDT0047 ngày 26/4/2018, số RDT0085 ngày (trống)/8/2018, số RDT0094 ngày 29/8/2018, số RDT0099 ngày 11/9/2018, số RDT 10 ngày 28/01/2019, số RDT 27 ngày 25/3/2019 với nội dung lần lượt là CK tiền đặt cơm tiếp khách Đài PTTH tỉnh + Kênh truyền hình HTV7 ngày 28/02/2018, CK tiền đặt cơm tiếp khách tháng 3+4/2018, CK tiền đặt cơm tiếp khách tháng 5/2018, CK tiền đặt cơm tiếp khách Đài PTTH tỉnh Đắk Nông, CK tiền đặt cơm tiếp khách, CK tiền tiếp khách (02 hồ sơ). 02 hồ sơ Cao Cự N ký khống một số chứng từ đề tên bà H Hmok gồm hồ sơ chứng từ số RDT0009, ngày 23/01/2017 với nội dung CK tiền tiếp khách (dưới mục người đề xuất); hồ sơ số RDT0014, ngày 09/02/2018 với nội dung CK tiền tiếp khách tháng 1+2/2018 (dưới mục người mua hàng, người đề nghị thanh toán), có tổng số tiền 56.099.000 đồng.

- Bà Trần Thị Tú A khai nhận ký tên dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong 03 hồ sơ gồm hồ sơ chứng từ số RDT0054 ngày 29/5/2017, số RDT0123 ngày 26/10/2017, số RDT0107 ngày 18/9/2018 với nội dung lần lượt là CK thanh toán tiền tiếp khách Đ3 ngày 14/4/2017, CK thanh

toán tiền tiếp khách Sở TT&TT + Đ4 ngày 9/10/2017, CK tiền đặt com tiếp khách. Tổng số tiền thanh toán được bằng các chứng từ chi tiếp khách do bà Tú A ký không là 11.160.000 đồng (Mười một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị T3 khai nhận ký tên dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong 03 hồ sơ gồm hồ sơ chứng từ số RDT0070 ngày 19/6/2017, số RDT0082 ngày 21/7/2017, số RDT0150 ngày 12/12/2017 với nội dung lần lượt là CK thanh toán tiền tiếp khách Sở TT&TT + Đài PTTH Kom Tum ngày 16/6/2017, CK thanh toán tiền tiếp khách (Đ5 ngày 7/7/2017), CK thanh toán tiền tiếp khách Sở TT&TT+Đài PTTH Ninh Thuận ngày 5/10/2017. Tổng số tiền thanh toán được bằng các chứng từ chi tiếp khách do bà T3 ký không là 12.510.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị T4 khai nhận ký tên dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong 04 hồ sơ gồm hồ sơ chứng từ số RDT0021 ngày 03/3/2017, số RDT 110 ngày 30/9/2019, số RDT 128 ngày 06/11/2019 với nội dung lần lượt là CK thanh toán tiền tiếp khách Sở TT&TT + Đài PTTH Kon Tum ngày 16/6/2017, CK thanh toán tiền tiếp khách, CK tiền tiếp khách (02 hồ sơ) và ký tên dưới các mục người đề xuất, người đề nghị thanh toán trong Phiếu chi số PC0003, ngày 23/4/2019. Tổng số tiền thanh toán được bằng các chứng từ chi tiếp khách do bà T4 ký không là 23.204.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- Ông Lương Quốc A1 khai nhận ký tên dưới các mục người đề xuất, người mua hàng, người đề nghị thanh toán trong hồ sơ chứng từ số RDT0047 ngày 10/5/2017 với nội dung CK thanh toán tiền tiếp khách (Đài VTV3+ Đ2 ngày 09/3/2017). Tổng số tiền thanh toán được bằng các chứng từ chi tiếp khách do ông A1 ký không là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- Ngày 26/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B quyết định trưng cầu giám định viên thuộc phòng K2 Công an tỉnh Đ tại Quyết định trưng cầu giám định số 128/ĐTTH, trưng cầu giám định chữ ký của ông Cao Cự N và bà H X Hmok đối với tên H' Xuân Hmok trong 09 hồ sơ chứng từ tiếp khách có tên H X Hmok ký chứng từ để có căn cứ giải quyết mâu thuẫn trong lời khai. Ngày 05/5/2021, phòng K2 Công an tỉnh Đ trả lời việc thực hiện giám định trên tại Thông báo số 476/TB-PC09, kết quả do số lượng tài liệu giám định nhiều và chữ ký của bà H X Hmok không ổn định nên không đủ cơ sở để tiến hành giám định. Ngày 08/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 140/ĐTTH, trưng cầu giám định viên thuộc Phân viện khoa học hình sự Bộ C5 để giám định cùng nội dung trên. Tuy nhiên, do tình hình dịch C4 -19 diễn biến phức tạp, Chính phủ ban hành quy định hạn chế đi lại, Cơ quan điều tra không thể tiến hành giao nhận đối tượng giám định cho cơ quan giám định để tiến hành giám định theo quy định của pháp luật.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, ngày 12/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã ban hành Quyết định Trưng cầu giám định số 260/ĐTTH, trưng cầu giám định viên thuộc Sở Tài chính tỉnh Đ giám định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Tại Kết luận giám định số 2422/STC-KLGD, ngày 13/8/2021 của Sở tài chính tỉnh Đ kết luận:

- 34 bộ chứng từ kế toán chi tiếp khách trong 03 năm với tổng số tiền 229.170.000 đồng (trong đó: năm 2017: 12 bộ với số tiền là 75.398.000 đồng, năm 2018: 12 bộ với số tiền là 86.193.000 đồng và năm 2019: 10 bộ với số tiền là 67.579.000 đồng) đã được thanh, quyết toán với ngân sách nhà nước là những hồ sơ được lập không.

- 03 bộ chứng từ kế toán chi thanh toán mua Radio, cặp da công sở nhân kỷ niệm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam trong 03 năm với tổng số tiền 36.825.000 đồng là hồ sơ được lập không.

- 01 bộ chứng từ kế toán Hợp đồng mua Camera kỹ thuật số Sony năm 2018 với số tiền 96.000.000 đồng là hồ sơ được lập nâng không với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Để tiếp tục củng cố tài liệu chứng cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu thập thêm 24 mẫu chữ khác của bà H X2 đối với tên H X Hmok phục vụ công tác giám định. Ngày 31/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 114/ĐTTH quyết định trưng cầu phòng K2 Công an tỉnh Đ giám định chữ ký 06 người gồm 1. H'X Hmok, 2. Trần Thị Tú A; 3. Nguyễn Thị T3, 4. Phạm Thị T4, 5. Lương Quốc A1, 6. Cao Cự N trong hồ sơ thanh toán của Đ truyền hình huyện B. Tại Kết luận giám định số 325/KL-KTHS, ngày 22/7/2022 của phòng K2 Công an tỉnh kết luận:

- Chữ ký đề tên Lương Quốc A1 dưới các mục “Người đề xuất”, “Người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trên 05/05 chứng từ trong hồ sơ được lập không là do ông Lương Quốc A1 ký ra;

- Chữ ký đề tên Trần Thị Tú A dưới các mục “Người đề xuất”, “Người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trên 09/09 chứng từ trong hồ sơ được lập không là do bà Trần Thị Tú A ký ra;

- Chữ ký đề tên Phạm Thị T4 dưới các mục “Người đề xuất”, “Người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trên 18/19 chứng từ trong hồ sơ được lập không là do bà Phạm Thị T4 ký ra;

- Chữ ký đề tên Cao Cự N dưới các mục “Người đề xuất”, “Người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trên 30/30 chứng từ trong hồ sơ được lập không là do bị cáo Cao Cự N ký ra;

- Chữ ký đề tên H X Hmok dưới các mục “Người đề xuất”, “người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trên 12/78 chứng từ trong hồ sơ được lập không là do bà H' Xuân Hmok ký ra;

- Có 01 chứng từ đề tên Phạm Thị T4 dưới mục “Người mua hàng” trong hồ sơ lập không thì không có đủ cơ sở xác định có phải do bà Phạm Thị T4 ký ra hay không.

- Có 66 chứng từ đề tên H X Hmok dưới các mục “Người đề xuất”, “Người mua hàng”, “Người đề nghị thanh toán” trong hồ sơ lập không thì không có đủ cơ sở xác định có phải do bà H X Hmok ký ra hay không và cũng không có cơ sở xác định có phải do bị cáo Cao Cự N ký ra hay không.

Ngày 10/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định trưng cầu giám định viên thuộc phòng K2 Công an tỉnh Đ tại Quyết định trưng cầu số 299/QĐ-ĐTTH, giám định dữ liệu điện tử đối với 09 file dữ liệu được lưu trữ trong máy tính cá nhân của bị cáo Cao Cự N. Tại Công văn số 232/PC09, ngày 11/8/2022, của phòng K2 Công an tỉnh Đ thông báo không tiến hành giám định do không có thiết bị xác định, khôi phục các tập tin.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu các Sở thông tin truyền thông, Đài Phát thanh truyền hình, Đ truyền hình các địa phương, các cơ quan báo chí có liên quan trong hồ sơ thanh toán tiếp khách của Đài Truyền thanh truyền hình huyện B các năm 2017, 2018, 2019 cung cấp các tài liệu liên quan đến kế hoạch công tác tại Đài Truyền thanh truyền hình huyện B và đã thu thập được 33 văn bản trả lời xác định các đơn vị này không đến làm việc, trao đổi công tác tại Đài Truyền thanh truyền hình huyện B.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, theo yêu cầu điều tra của VKSND, ngày 29/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã ban hành Quyết định Trưng cầu giám định bổ sung số 151/-QĐ-ĐTTH, trưng cầu giám định viên thuộc Sở Tài chính tỉnh Đ giám định bổ sung chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Tại bản kết luận giám định bổ sung số 960 ngày 13/4/2023 của Sở tài chính UBND tỉnh Đ kết luận: Việc lập không và nâng không các chứng từ kế toán trong 3 năm (năm 2017, năm 2018, năm 2019) tại Đài Truyền thanh truyền hình huyện B theo Kết luận giám định số 2422/STC-KLGD, ngày 13/8/2021 của Sở tài chính tỉnh Đ được xác định là hành vi vi phạm chế độ kế toán.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Cao Cự N phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu nghiêm trọng”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Cự N 01 năm 03 tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật

chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 04/10/2023, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Cao Cự N kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo đồng thời khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần hình phạt tù.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, Nguyễn Hữu T, Cao Cự N đã có hành vi giả mạo, khai man và thỏa thuận với một số viên chức và người lao động tại Đài truyền thanh truyền hình huyện B để thiết lập hồ sơ, chứng từ không đúng quy định rút tiền từ ngân sách nhà nước, chi tiêu trái quy định của luật ngân sách nhà nước, gây thiệt hại số tiền 246.495.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật hình sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm 06 tháng tù, Cao Cự N 01 năm 03 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cùng nhau khắc phục toàn bộ thiệt hại, được nguyên đơn dân sự

là UBND huyện B xin giảm nhẹ hình phạt, trong quá trình công tác các bị cáo có thành tích xuất sắc, được tặng bằng khen, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có bà nội là người có công cách mạng, bị cáo N có bố đẻ được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng 3 nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình, thì cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo và chính sách khoan hồng của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T và Cao Cự N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk về hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T**: 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao Cự N**: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Cao Cự N cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI
ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Hoàng Kim Khánh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Thẩm phán**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận

Văn Công Dân

Hoàng Kim Khánh

